TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 11 - 2023
"*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Liên.

2. Ông Nguyễn Hưng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đinh Thị Quyên - Thư ký Toà án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- *Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Trần Tố Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 606/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2023 về việc*"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 07/11/2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Tống Trần H - sinh năm 1982.

Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Địa chỉ: khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/11/2023).

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị D - sinh năm 1985.

Nơi ĐKHKTT: Đường A, tổ dân phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21/11/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Tống Trần H trình bày*:

Ông Tống Trần H và bà Nguyễn Thị D tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố B vào ngày 01/8/2011.

Thời gian chung sống với nhau có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa đề nghị Toà án giải quyết cho ông H được ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông Tống Trần H và bà Nguyễn Thị D có 02 con chung là Tống Hải N - sinh ngày 04/01/2007 và Tống Quốc B - sinh ngày 01/10/2010. Hiện nay các cháu đang ở với ông H. Nguyện vọng của ông H được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Tống Hải N và Tống Quốc B cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà D và ông Tống Trần H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn năm 2011 tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố B.

Quá trình sống chung vợ chồng tôi không có mâu thuẫn gì lớn. Đến năm 2021 tôi bị bắt đi tù giam. Nay anh H yêu cầu ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Tống Trần H và bà Nguyễn Thị D có 02 con chung là Tống Hải N - sinh ngày 04/01/2007 và Tống Quốc B - sinh ngày 01/10/2010. Hiện nay các cháu đang ở với ông H. Bà D đồng ý giao cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Tống Hải N và Tống Quốc B cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. *Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Ông Tống Trần H và bà Nguyễn Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc nhưng sau phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Nay ông H nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông H được ly hôn với bà D là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Về con chung: Giao các cháu Tống Hải N - sinh ngày 04/01/2007 và Tống Quốc B - sinh ngày 01/10/2010 cho ông Tống Trần H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn ông Tống Trần H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Tống Trần H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị D, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Tống Trần H và bị đơn bà Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt ông Tống Trần H, bà Nguyễn Thị D là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Tống Trần H và bà Nguyễn Thị D đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/8/2011, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống nên giữa ông Tống Trần H và bà Nguyễn Thị D xảy ra mâu thuẫn. Ông Tống Trần H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị D. Bà Nguyễn Thị D cũng xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và cũng đồng ý ly hôn với ông Tống Trần H.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Tống Trần H và bà Nguyễn Thị D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc ông H yêu cầu ly hôn với bà D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Ông Tống Trần H và bà Nguyễn Thị D có hai con chung là Tống Hải N - sinh ngày 04/01/2007 và Tống Quốc B - sinh ngày 01/10/2010. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Tống Trần H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và các cháu N, cháu B cũng có nguyện vọng được ở với ông H. Mặt khác, bà Nguyễn Thị D cũng đồng ý giao các cháu N, cháu B cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó vì quyền lợi cũng như đảm bảo sự phát triển ổn định tâm sinh lý của trẻ, cần giao các cháu Tống Hải N, Tống Quốc B cho ông Tống Trần H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Tống Trần H và bà Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Tống Trần H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 241; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tống Trần H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tống Trần H được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

- Về con chung: Giao các con chung là Tống Hải N - sinh ngày 04/01/2007 và Tống Quốc B - sinh ngày 01/10/2010 cho ông Tống Trần H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Bà Nguyễn Thị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Tống Trần H và bà Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Tống Trần H và bà Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Tống Trần H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Tống Trần H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2022/0002924 ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7

và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk lắk;
- VKSND TP BMT;
- Chi cục THADS TP B;
- UBND P. T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Trương Thị Đông